

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-PT

Ngày 25 – 5 - 2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hoàng Lâm

Ông Võ Hoàng Khải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2022/TLPT - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ - ST, ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ - PT ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mộng T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên lạc: thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Tấn K, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Văn P – Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T trình bày:* Chị và anh Lê Tấn K tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K đi làm, chị ở nhà lo con không làm ra tiền nên gia đình chồng không tôn trọng, sỉ nhục chị. Anh K kiểm tra tiền bạc, không tin tưởng chị nên chị không thể chung sống được nữa. Vợ chồng hiện ở chung nhà nhưng đã ly thân hơn 4 tháng nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh K có 02 con chung là Lê Minh P (nam) sinh ngày 06/9/2010 và Lê Ngọc Q (nữ) sinh ngày 01/02/2019. Hiện hai cháu đang sống cùng với anh K. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu Q, để cháu P cho anh K nuôi vì bé Q còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh K sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Lê Tấn K trình bày như sau: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình dẫn đến kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường cự cãi, đời sống không còn hạnh phúc nguyên nhân do chị T không dành thời gian lo cho gia đình, thường xuyên ôm điện thoại chơi game, lướt mạng xã hội nhắn tin qua lại với người đàn ông khác. Anh cũng đã khuyên bảo nhưng vợ anh không thay đổi mà cương quyết đòi ly hôn. Thấy không thể hàn gắn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Minh P (nam) sinh ngày 06/9/2010 và Lê Ngọc Q (nữ) sinh ngày 01/02/2019. Sau khi ly hôn, cháu P muốn sống cùng anh nên anh sẽ nuôi cháu P. Đối với cháu Q anh cũng yêu cầu được nuôi vì vợ anh thường mê điện thoại, bỏ bê con cái, có lần để cháu Q té sông mà không hay. Bình thường để con tự đi chơi rong ruổi khắp xóm mà không quản lý con cái.

Về tài sản chung: Anh K đồng ý tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ - ST, ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Mộng T và anh Lê Tấn K. Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2011 ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Nguyễn Mộng T và anh Lê Tấn K không còn giá trị kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2022.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh P (nam) sinh ngày 06/9/2010 và cháu Lê Ngọc Q (nữ) sinh ngày 01/02/2019 cho anh Lê Tấn K nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 21/02/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và yêu cầu giao cháu Lê Ngọc Q (nữ) sinh ngày 01/02/2019 cho chị T được nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn P trình bày quan điểm: Chị Nguyễn Mộng T hiện không có nơi ở và thu nhập ổn định. Chị T ở nhà trọ, công việc bán nước giải khát, thu nhập chỉ hơn 300.000 đồng/tháng. Đây chỉ là trình bày của chị T, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc chị có thu nhập để ổn định cuộc sống nuôi cháu Lê Ngọc Q. Hiện nay, hai cháu Lê Minh P, Lê Ngọc Q đang được anh Lê Tấn K trực tiếp nuôi dưỡng, có nơi ở ổn định. Anh K có công việc ổn định, có bà nội hai cháu chăm hai cháu thay cho anh K khi anh K đi làm. Do đó, anh K có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng hai con chung phát triển về thể chất và tinh thần. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giành quyền nuôi cháu Lê Ngọc Q của chị Nguyễn Mộng T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Mộng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Lê Tấn K, yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Bị đơn cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2022, chị Nguyễn Mộng T có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T.

Trong thời gian chung sống với nhau chị T và anh K có 02 con chung là cháu Lê Minh P (nam) sinh ngày 06/9/2010 và cháu Lê Ngọc Q (nữ) sinh ngày 01/02/2019. Giữa anh K và chị T đã thuận tình ly hôn, và tranh chấp quyền nuôi con chung.

Đối với cháu Lê Minh P (nam) sinh ngày 06/9/2010, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu P đã đủ 07 tuổi. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy ý kiến, là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Cháu Lê Minh P có yêu cầu được tiếp tục sống với cha khi cha mẹ ly hôn, chị T cũng đồng ý giao cháu P cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh K được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu P là phù hợp.

Đối với cháu Lê Ngọc Q (nữ) sinh ngày 01/02/2019, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Q được 39 tháng 10 ngày tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Hiện nay, cháu Lê Ngọc Q đã trên 36 tháng tuổi, nhưng đang được cha là anh Lê Tấn K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về điều kiện của chị Nguyễn Mộng T, không có chỗ ở và thu nhập ổn định, chưa có điều kiện tốt để nuôi dưỡng cháu Q tốt hơn anh K. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ

vào quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Q, để quyết định giao cháu Q cho anh Lê Tấn K trực tiếp nuôi. Như vậy, phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở và có căn cứ pháp luật nên được giữ nguyên.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị Nguyễn Mộng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do anh K không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này, điều kiện của chị T đủ nuôi dạy con tốt và anh Lê Tấn K không đảm bảo đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cháu Q thì anh K có quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng để nuôi con và anh K trong quá trình nuôi con không đảm bảo cho các cháu P và Q phát triển cả về thể chất và tinh thần, thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Xét thấy, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy việc kháng cáo của chị Nguyễn Mộng T không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Mộng T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Mộng T và anh Lê Tấn K. Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2011 ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Nguyễn Mộng T và anh Lê Tấn K không còn giá trị kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2022.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Minh P (nam) sinh ngày 06/9/2010 và cháu Lê Ngọc Q (nữ) sinh ngày 01/02/2019 cho anh Lê Tấn K nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Mộng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai số 0011540 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

5.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

Buộc chị Nguyễn Mộng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chuyển 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011700 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang, thành án phí.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 25/5/2021).

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Phượng**